

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: 240/TTr-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày 20 tháng 11 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khoá XVIII

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày .../12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Thông báo kết luận số -TB/TU ngày / /2023 của Tỉnh ủy Quảng Bình thông báo kết luận Hội nghị lần thứ ... của Ban Thường vụ Tỉnh ủy;

UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) với nội dung sau:

A. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

Theo quy định tại Điểm b, Khoản 7, Điều 67 về thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm vốn ngân sách địa phương trong trường hợp: “Do thay đổi đột biến về cân đối thu ngân sách địa phương hoặc khả năng huy động các nguồn vốn của địa phương” ✓

Qua rà soát các dự án đã được UBND tỉnh phân bổ vốn năm 2022, 2023 từ nguồn vượt thu ngân sách tỉnh đã được Thường trực Hội đồng nhân dân thông qua và UBND tỉnh đã có Quyết định phân bổ vốn hàng năm cho các dự án đầu tư sử dụng nguồn vượt thu ngân sách địa phương, UBND tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 như sau:

- Bổ sung 4 danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025.
- Tổng số vốn bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 148.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

B. Phân bổ Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

I. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2023

1. Nguồn vốn đầu tư:

Tổng số vốn đầu tư công năm 2023 nguồn ngân sách tỉnh được giao: **3.661.915 triệu đồng** (trong đó: Ngân sách tỉnh phân bổ là 1.716.225 triệu đồng; Ngân sách huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.945.690 triệu đồng).

2. Tình hình thực hiện:

Năm 2023, việc triển khai thực hiện và quản lý vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đảm bảo chặt chẽ và hiệu quả. UBND tỉnh giao vốn từ đầu năm để các chủ đầu tư chủ động triển khai thực hiện sớm, việc bố trí vốn đảm bảo các tiêu chí, định mức phân bổ theo quy định; tập trung bố trí các công trình hoàn thành, quyết toán; bố trí cho các công trình chuyên tiếp để đẩy nhanh tiến độ thực hiện; ưu tiên các công trình cấp bách, công trình trọng điểm có ý nghĩa tạo động lực cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Các nguồn vốn bố trí trong kế hoạch đã tập trung hơn, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước; việc quản lý các nguồn vốn chặt chẽ, đảm bảo công khai, minh bạch.

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc tăng cường công tác thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, phấn đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn được giao, UBND tỉnh ban hành nhiều văn bản¹ chỉ đạo các sở ngành, địa phương, các chủ đầu tư đôn đốc các nhà thầu đẩy nhanh tiến độ thi công và thực hiện các thủ tục nghiệm thu, thanh toán quyết toán vốn đầu tư thực hiện theo đúng quy định. Đồng thời thành lập các Ban Chỉ đạo², các Tổ công tác của UBND tỉnh do các Phó Chủ tịch UBND tỉnh làm Tổ trưởng để chỉ đạo, đôn đốc triển khai thực hiện. Các Tổ công tác của UBND tỉnh đã thường xuyên trực tiếp làm việc với các chủ đầu tư có tỉ lệ giải ngân thấp trên tinh thần tháo gỡ những "nút thắt", "điểm nghẽn" để tháo gỡ khó khăn vướng mắc³, đồng thời chỉ đạo các cơ quan chuyên môn trực tiếp

¹ Văn bản 542/TB-VPUBND ngày 22/2/2023; Chi thị số 02/CT-UBND ngày 14/3/2023; Văn bản số 580/UBND-TH ngày 04/4/2023; Văn bản số 840/UBND-TH ngày 08/5/2023. Văn bản số 1247/KHĐT-TH ngày 17/5/2023 về việc đốc thúc tiến độ giải ngân các dự án chỉ được giải ngân đến hết ngày 31/12/2023; 1285/UBND-TH ngày 28/6/2023; TB số 3535/TB-VPUBND ngày 22/8/2023 Thông báo Kết luận của đồng chí Trần Thắng – Chủ tịch UBND tỉnh tại Hội nghị bàn các giải pháp đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2023; 1751/UBND-TH ngày 05/9/2023 về đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2023; 2180/UBND ngày 26/10/2023 về đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư công năm 2022 được kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023..

² Dự án Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 (dự án trọng điểm của tỉnh), Ban Chỉ đạo dự án đường bộ cao tốc Bắc Nam (đoạn qua Quảng Bình).

³ Yêu cầu chủ đầu tư báo cáo tình hình thực hiện, khó khăn vướng mắc báo cáo định kỳ ngày 15 và 30 hằng tháng; trong đó đề nghị nêu cụ thể, chi tiết về dự án như: (1) Tiến độ thực hiện, số vốn giải ngân và tỷ lệ giải ngân đến

làm việc với các chủ đầu tư để trao đổi, nắm bắt tình hình, hướng dẫn, xử lý, đôn đốc hoàn thiện thủ tục đầu tư, đẩy nhanh tiến độ thi công các dự án. Nhờ sự chỉ đạo quyết liệt của Tỉnh ủy, UBND tỉnh, các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách tỉnh thực hiện và giải ngân tương đối tốt, tuy nhiên vẫn chưa đảm bảo tiến độ theo yêu cầu. Tỷ lệ giải ngân nguồn ngân sách tỉnh tính đến 30/10/2023 là 68,48%⁴.

Tuy vậy, công tác triển khai thực hiện còn một số khó khăn như: (1) Công tác giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn; (2) Thủ tục đầu tư theo quy định còn kéo dài⁵ (3) Năng lực một số đơn vị tư vấn, xây lắp còn hạn chế, ảnh hưởng đến tiến độ thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện các dự án; (4) Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 kéo dài sang năm 2023 nguồn ngân sách tương đối lớn⁶.

UBND tỉnh sẽ tiếp tục tập trung chỉ đạo, giải quyết các điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc, phân đấu giải ngân cao nhất kế hoạch vốn năm 2023 được giao.

II. NGUỒN VỐN, NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024

1. Căn cứ pháp lý:

Căn cứ Quyết định số /QĐ-TTg ngày /12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2022 (lần 1) và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số/NQ-HĐND ngày .../12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về Dự toán thu, chi Ngân sách Nhà nước năm 2024;

2. Nguyên tắc và thứ tự ưu tiên phân bổ:

2.1. Nguyên tắc

- Việc bố trí vốn NSNN năm 2024 phải đảm bảo nguyên tắc, tiêu chí quy định tại Luật Đầu tư công và Nghị quyết số 973/NQ-UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm

thời điểm báo cáo (ngày 15 và 30 hàng tháng); (2) Dự án hiện đang ở bước nào, thủ tục đang ở đơn vị nào xử lý; (3) Khó khăn, vướng mắc ở đâu, nguyên nhân giải ngân chậm; (4) Đề xuất giải pháp xử lý, cơ quan nào có trách nhiệm xử lý để kịp thời tham mưu cấp có thẩm quyền giải quyết, đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

4 Theo Công điện hòa tốc số 09/CE-BKHĐT ngày 03/11/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc đẩy mạnh giải ngân kế hoạch đầu tư công vốn ngân sách nhà nước năm 2023 (tỷ lệ giải ngân bình quân chung cả nước đến 30/10/2023 là 56,74%).

5 Thời gian này thường kéo dài từ 4 đến 6 tháng, do đó tiến độ giải ngân vốn của những dự án khởi công mới chỉ được đẩy mạnh vào những tháng cuối năm; có sự chồng chéo thủ tục pháp lý, quy định pháp lý chưa rõ; Thủ tục gia hạn thời gian thực hiện dự án ODA kéo dài ảnh hưởng đến tiến độ giải ngân.

⁶ Với số tiền 642 tỷ đồng.

2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn NSNN giai đoạn 2021-2025.

- Danh mục dự án dự kiến bố trí năm 2024 phải thuộc danh mục Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 đã được cấp có thẩm quyền giao.

- Mức vốn bố trí cho từng dự án không vượt quá tổng mức đầu tư dự án trừ đi lũy kế dự kiến giải ngân vốn đến hết năm 2023 và không vượt quá kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 được giao cho dự án trừ đi số vốn đã giải ngân năm 2021, 2022 và dự kiến giải ngân năm 2023 (bao gồm số vốn được cấp có thẩm quyền cho phép kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân sang năm 2023). Mức vốn bố trí cho từng dự án phải phù hợp với khả năng thực hiện và giải ngân trong năm 2024.

2.2 Thứ tự ưu tiên

- Bố trí vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB;
- Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ;
- Bố trí đủ vốn cho dự án hoàn thành trong năm 2024;
- Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm;
- Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh;
- Bố trí Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt;
- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch;
- Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích;
- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở;
- Đầu tư khắc phục, thích ứng các vùng ngập lụt;
- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2024.

3. Nguồn vốn phân bổ:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách tỉnh là: **2.648.443 triệu đồng**⁷. Trong đó, nguồn vốn đầu tư công do tỉnh phân bổ là 1.137.943 triệu đồng; do huyện, thị xã, thành phố phân bổ là 1.510.500 triệu đồng. Cụ thể:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024
*	TỔNG NGUỒN	2.648.443
I	Nguồn vốn tỉnh phân bổ	1.137.943
1	Nguồn Ngân sách tập trung	265.935
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	775.000
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	75.000
4	Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	22.008

⁷ Không tính bội chi ngân sách địa phương 158.600 triệu đồng.

TT	Nội dung	Kế hoạch năm 2024
II	Nguồn vốn giao cấp huyện phân bổ	1.510.500
1	Nguồn Ngân sách tập trung	177.290
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.333.210

4. Phương án phân bổ: Phương án phân bổ thuộc kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý):

Trên cơ sở thông báo vốn của Thủ tướng chính phủ và nhu cầu thực tế của tỉnh, UBND tỉnh Quảng Bình dự kiến phương án phân bổ chi tiết nguồn ngân sách tỉnh phân bổ với số tiền 1.137.943 triệu đồng, theo thứ tự ưu tiên như sau:

- Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB: 25.000 triệu đồng (đảm bảo đủ nhu cầu trả nợ cho các dự án đã được phê duyệt quyết toán).

- Bố trí vốn cho đối ứng cho các dự án ODA theo tiến độ: 142.500 triệu đồng (Bố trí đủ cho các dự án hoàn thành trong năm 2024; và các dự án chuyển tiếp theo định mức).

- Bố trí đủ vốn 100% cho dự án hoàn thành trong năm 2024 theo thời gian bố trí vốn: 110.922 triệu đồng.

- Bố trí vốn cho các công trình trọng điểm: 235.750 triệu đồng (Dự án hoàn thành trong năm 2024 bố trí đủ vốn trung hạn còn lại; Dự án chuyển tiếp theo tiến độ bố trí khoảng 70% kế hoạch đầu tư công trung hạn).

- Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh: 47.500 triệu đồng.

- Bố trí Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt (hoàn thành trong năm 2025): 399.771 triệu đồng (Bố trí đến năm 2024 đạt khoảng 65-70% kế hoạch đầu tư công trung hạn).

- Bố trí vốn để thực hiện công tác chuẩn bị đầu tư và nhiệm vụ quy hoạch: 35.000 triệu đồng (đảm bảo nhu cầu cho các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, thị xã thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch trong năm 2024).

- Bố trí vốn hỗ trợ doanh nghiệp theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP, Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Quảng Bình, hiện nay, Công ty đang hoàn chỉnh hồ sơ trình Thủ tướng Chính phủ, dự kiến số vốn điều lệ cần bổ sung khoảng 20.000 triệu đồng): 40.000 triệu đồng. ✓

- Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: 40.000 triệu đồng (bố trí đạt 100% kế hoạch đầu tư công trung hạn còn lại của năm 2024-2025 đảm bảo hoàn thiện hệ thống thiết chế văn hóa).

- Đầu tư khắc phục, thích ứng các vùng ngập lụt: 30.000 triệu đồng (Đảm bảo cho các dự án đủ vốn để chuẩn bị đầu tư và khởi công mới trong năm 2024).

- Bố trí vốn cho dự án khởi công mới năm 2024 (UBND tỉnh đã có Văn bản giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư): 31.500 triệu đồng đảm bảo cho các dự án đủ điều kiện khởi công trong năm 2024.

(Chi tiết tại các Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo)

III. QUÁ TRÌNH SOẠN THẢO NGHỊ QUYẾT:

UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với các sở, ngành liên quan và các Ban của HĐND tỉnh tham gia thẩm tra Nghị quyết về Kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách tỉnh quản lý; đảm bảo quy trình, thủ tục trong xây dựng Nghị quyết.

IV. NỘI DUNG CỦA NGHỊ QUYẾT:

Dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó:

Điều 1: Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (nguồn ngân sách tỉnh quản lý)

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 (nguồn Ngân sách tỉnh quản lý).

Điều 3. Tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 4. Hiệu lực thi hành của Nghị quyết.

(Có Dự thảo Nghị quyết kèm theo)

V. Kiến nghị

Trong quá trình triển khai thực hiện, căn cứ tình hình thực tế thu tiền sử dụng đất, Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, các nguồn thu khác (như vượt thu tiền sử dụng đất năm 2022...), đề nghị giao UBND tỉnh cân đối, trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh;
- Các Sở: KHĐT, TC;
- VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Mạnh Hùng

PHỤ LỤC 1
DIỆU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025
(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	BỘ SUNG DANH MỤC VÀ NGUỒN VỐN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				148.000	148.000	65.000	83.000	
1	Trường THCS Thống nhất của Hội người Việt Nam tại tỉnh Khâm Muộn	Huyện Thà Khêc, tỉnh Khâm Muộn	2022-2024	91/NQ-HBND ngày 10/12/2022 535/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	25.000	25.000		25.000	Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TT/HBND và 149/TT/HBND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HBND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 04/05/2023 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022-2025	72/NQ-HBND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	38.000	38.000		38.000	Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TT/HBND và 149/TT/HBND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HBND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 23/06/2023 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
3	Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022-2023	72/NQ-HBND ngày 26/7/2022; 2789/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	65.000	65.000	65.000		Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TT/HBND và 149/TT/HBND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HBND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
4	Dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tại KCN Tây Bắc Đồng Hới và KCN Bắc Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2024	123/NQ-HBND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	20.000	20.000		20.000	Thông báo số 877-TB/TU ngày 06/06/2023 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 90/TT/HBND-VP ngày 20/06/2023 của Thường trực HBND; 1770/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND tỉnh và Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 về giao vốn cho dự án

PHỤ LỤC 02: CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	Tổng nguồn	2.648.443	
I	Vốn do tỉnh phân bổ	1.137.943	
1	Vốn tập trung trong nước	265.935	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	775.000	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	75.000	
4	Chi từ nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	22.008	
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	1.510.500	
1	Vốn tập trung trong nước	177.290	
-	Thành phố Đồng Hới	20.464	
-	Huyện Minh Hóa	21.960	
-	Huyện Tuyên Hóa	20.073	
-	Huyện Quảng Trạch	19.723	
-	Thị xã Ba Đồn	19.759	
-	Huyện Bố Trạch	28.909	
-	Huyện Quảng Ninh	19.151	
-	Huyện Lệ Thủy	27.251	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.333.210	

Đơn vị tính: Triệu đồng

<i>Thành phố Đông Hới</i>		499.440
<i>Huyện Minh Hóa</i>		3.220
<i>Huyện Tuyên Hóa</i>		27.860
<i>Huyện Quảng Trạch</i>		150.500
<i>Thị xã Ba Đồn</i>		156.000
<i>Huyện Bố Trạch</i>		173.700
<i>Huyện Quảng Ninh</i>		223.750
<i>Huyện Lệ Thủy</i>		98.740

PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
 (Kèm theo Tờ trình số 2401/TTr-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
A	TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ	1.137.943	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	25.000	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	142.500	Phụ lục 04
3	Bố trí các dự án hoàn thành năm 2024	110.922	Phụ lục 05
4	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	235.750	Phụ lục 06
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	47.500	
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	25.000	Phân bổ cùng với nguồn vốn ngân sách TW
5.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình	12.500	
5.3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	5.000	
5.4	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	5.000	Giao UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ chi tiết cho các đơn vị
6	Bố trí các dự án chuyển tiếp	399.771	Phụ lục 7
7	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	35.000	Phân bổ chi tiết sau
8	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	40.000	Phân bổ chi tiết sau
8.1	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Quảng Bình)	39.000	
8.2	Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích	1.000	
9	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	40.000	Phụ lục 8
10	Đầu tư khắc phục, thích ứng các vùng ngập lụt	30.000	Phân bổ chi tiết sau
11	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2024	31.500	Phụ lục 9
B	TỔNG VỐN DO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHÂN BỐ	1.510.500	

PHỤ LỤC 04: ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XID	Khởi công	Hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021- 2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024	
						TMĐT			Kế hoạch năm 2021- 2025	Tổng số		Trong đó: vốn NS tỉnh
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh					
TỔNG SỐ						700.226	477.250	406.574	342.294	342.294	142.500	
I	Đối ứng các dự án ODA					700.226	477.250	406.574	342.294	342.294	72.500	
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2024	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	176.748	176.748	93.748	135.856	135.856	40.000	
2	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	48.413	61.414	61.414	3.000	
3	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2025	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	57.030	102.111	102.111	12.000	
4	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	22.439	22.439	1.400	
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2024	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	13.764	13.764	13.000	
6	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	6.710	6.710	3.100	
II	Dự phòng vốn đối ứng ODA							130.000			70.000	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
TỔNG CỘNG						906.957	890.957	848.780	735.308	735.308	110.922
A LĨNH VỰC KINH TẾ						427.000	411.000	382.280	333.493	333.493	46.237
1	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN					92.000	92.000	89.240	75.500	75.500	13.740
1	Dưỡng tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTTN Đông Châu-Khe nước Trong	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022	12.000	12.000	11.640	11.000	11.000	640
2	Xây dựng bản đồ ngập lụt và phân mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022	10.000	10.000	9.700	7.000	7.000	2.700
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	37.000	37.000	35.890	32.100	32.100	3.790
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022	20.000	20.000	19.400	14.500	14.500	4.900
5	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022	5.000	5.000	4.850	4.500	4.500	350
6	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 2513/QĐ-UBND ngày 19/09/2022	8.000	8.000	7.760	6.400	6.400	1.360
II GIAO THÔNG						52.000	52.000	50.440	42.600	42.600	7.840
1	Xây dựng cầu Đức Nghĩa (Km3+430/B.T.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022	52.000	52.000	50.440	42.600	42.600	7.840
III KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP						117.000	117.000	98.800	89.050	89.050	9.750

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
I	Hà tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HBND ngày 27/5/2022 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	60.000	51.500	51.500	8.500
2	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 ; 1171/QĐ-UBND ngày 9/5/2022	57.000	57.000	38800	37.550	37.550	1.250
IV	CÔNG NGHIỆP					25.000	25.000	24.250	16.500	16.500	7.750
1	Hoàn thiện hạ tầng Cúm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	24.250	16.500	16.500	7.750
V	DU LỊCH					45.000	45.000	43.650	40.000	40.000	3.650
1	Đường từ nhánh Đồng đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mè (gđ2)	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	19.400	19.000	19.000	400
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thượng Hòa, Trạm Kiểm lâm Khe Gắt, Chốt Kiểm lâm Cây Ngát, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	24.250	21.000	21.000	3.250
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ					71.000	55.000	53.350	52.543	52.543	807
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1257/QĐ-UBND 19/5/2022	35.000	35.000	33.950	33.500	33.500	450

PHỤ LỤC 05: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QP chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
2	Chính trang đô thị doan tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	56/NQ-HUBND ngày 27/05/2022; 1972/QĐ-UBND ngày 19/07/2022	36.000	20.000	19.400	19.043	19.043	357
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					25.000	25.000	22.550	17.300	17.300	2.700
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021 3132 QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	22.550	17.300	17.300	2.700
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					238.957	238.957	231.830	201.085	201.085	30.745
1	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					43.000	43.000	41.710	31.800	31.800	9.910
1	Đầu tư xây dựng Khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thông kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 1811/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	10.000	10.000	9.700	8.000	8.000	1.700
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021 991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	7.760	6.400	6.400	1.360
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	24.250	17.400	17.400	6.850
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI					73.000	73.000	70.810	52.735	52.735	18.075
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HUBND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	19.400	7.235	7.235	12.165

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
2	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lê Thành Hầu Thượng Đẳng Thân Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 3167/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	15.000	15.000	14.550	13.500	13.500	1.050
3	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tàn tật tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 550/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	23.000	23.000	22.310	21.900	21.900	410
4	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2134/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	15.000	15.000	14.550	10.100	10.100	4.450
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					16.000	16.000	15.520	15.050	15.050	470
1	Nâng cấp, phát triển mạng điện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2558/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	7.000	7.000	6.790	6.600	6.600	190
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2627/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	4.500	4.500	4.365	4.150	4.150	215
3	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2133/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	4.500	4.500	4.365	4.300	4.300	65
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Thuộc nhiệm chi vụ cấp tỉnh)					106.957	106.957	103.790	101.500	101.500	2.290
1	Nhà nơi trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hòa	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1369/QĐ-UBND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	8.500	8.500	230

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1960/QĐ-UBND ngày 18/07/2022	7.477	7.477	7.275	6.750	6.750	525
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 4291/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	8.500	8.500	8.245	8.150	8.150	95
4	Dãy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 4290/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	12.000	12.000	11.640	11.100	11.100	540
5	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1757/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
5	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trúc	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	6.790	6.700	6.700	90
7	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	7.275	6.950	6.950	325
8	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2315/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
9	Kỹ túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đông Hiếu	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1651/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	14.980	14.980	14.550	14.500	14.500	50
10	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1522/QĐ-UBND ngày 08/06/2022	8.500	8.500	8.245	8.150	8.150	95
11	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2316/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QB chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1707/QĐ-UBND ngày 22/06/2022	8.000	8.000	7.760	7.600	7.600	160
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					88.000	88.000	86.260	72.480	72.480	13.780
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2598/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	20.000	20.000	19.400	14.880	14.880	4.520
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đông Hới	2023	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3362/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	30.000	30.000	30.000	21.500	21.500	8.500
4	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2201/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	12.000	12.000	11.640	11.600	11.600	40
5	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân - Phụ nữ Quảng Bình	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021 1746/QĐ-UBND ngày 27/06/2022	7.000	7.000	6.790	6.700	6.700	90
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống đờ chiêng công tác dân tộc	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021 2112/QĐ-UBND ngày 03/08/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
7	Điện trưng bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đông Hới	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	6.000	6.000	5.820	5.300	5.300	520
8	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	TP Đông Hới và các huyện	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 2172/QĐ-UBND ngày 11/08/2022	5.000	5.000	4.850	4.800	4.800	50

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH					129.000	129.000	125.130	108.900	108.900	16.230
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1283/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	28.000	28.000	27.160	23.400	23.400	3.760
2	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	25.000	25.000	24.250	22.500	22.500	1.750
3	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngư Thủy và đến xã Ngư Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	25.000	25.000	24.250	22.500	22.500	1.750
4	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1018/QĐ-UBND 5/5/2023	16.000	16.000	15.520	12.500	12.500	3.020
5	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3414/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.000	12.000	2.550
6	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	19.400	16.000	16.000	3.400
E	Lĩnh vực y tế					24.000	24.000	23.280	19.350	19.350	3.930
1	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3849/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	7.000	7.000	6.790	5.930	5.930	860

PHỤ LỤC 05: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QB chủ trương đầu tư	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số
2	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3786/QĐ UBND ngày 29/12/202	11.000	11.000	10.670	9.580	9.580	1.090
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3855/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.000	6.000	5.820	3.840	3.840	1.980

PHỤ LỤC 6: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH 2024		
					Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh
	TỔNG SỐ											
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ sở 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 3777/QĐ-UBND ngày 28/12/2022		3.907.000	1.210.000	1.197.700	1.678.290	754.903	235.750
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HBND ngày 10/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 7/7/2022		110.000	110.000	106.700	100.950	100.950	5.750
3	Dường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HBND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HBND ngày 29/10/2021;		3.497.000	800.000	800.000	1.487.340	563.953	145.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMBĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
	TỔNG CỘNG					2.438.175	2.258.175	2.190.725	1.075.659	1.075.659	399.771
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					1.536.075	1.506.075	1.461.180	791.599	791.599	248.965
1	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH					194.000	194.000	188.190	74.850	74.850	40.500
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróoc Trâu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	27.160	13.000	13.000	4.500
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thi trấn Quý Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	-	-	3.500
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3331/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000	20.000	19.400	15.300	15.300	2.500
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	17.460	7.400	7.400	3.200
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.050	6.050	3.000
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mẹ Sỏi đến thôn Rẫy Cau (Đoạn từ Cầu Rẫy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 1820/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	15.000	15.000	14.550	4.400	4.400	4.300
7	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3651/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.500	5.500	3.800
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	1.700	1.700	8.500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QB chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số		Trong đó: vốn NS tỉnh
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hòa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3336/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	16.980	7.300	7.300	3.500
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyễn Áng - Thế Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	9.700	7.700	7.700	900
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.500	6.500	2.800
II	GIAO THÔNG					1.074.000	1.064.000	1.032.350	590.720	590.720	163.915
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022	120.000	120.000	116.400	70.800	70.800	13.000
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 191/QĐ-UBND ngày 03/2/2023	20.000	20.000	19.400	13.920	13.920	2.000
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3467/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	20.000	20.000	19.400	8.000	8.000	4.500
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	40.000	40.000	38.800	27.510	27.510	5.000
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	21.340	8.400	8.400	5.400
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	27.160	12.900	12.900	5.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lê Ninh	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	32.980	13.800	13.800	7.000
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	27.160	10.500	10.500	6.500
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3766/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	40.000	40.000	38.800	14.300	14.300	9.000
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	30.000	30.000	29.100	29.000	29.000	100
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	26.190	9.970	9.970	6.500
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	21.040	21.040	2.100
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2454/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	15.000	15.000	14.550	14.145	14.145	405
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 27/05/2022; 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.800	7.800	4.500
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	18.430	7.000	7.000	4.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QB chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMBĐT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	24.450	24.450	1.000
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	15.520	6.480	6.480	3.500
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3712/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.400	5.400	3.500
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3380/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	30.000	30.000	29.100	11.200	11.200	7.200
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.700	5.700	3.700
21	Đường giao thông liên xã từ Hoàn Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3763/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	20.000	20.000	19.400	10.400	10.400	3.000
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3690/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.100	9.100	2.000
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	29.100	22.150	22.150	2.000
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.750	5.750	3.600

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QB chủ trương đầu tư	TMĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					Trong đó: NS tỉnh
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hòa và Hương Hòa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3352/QĐ-UBND ngày 11/12/2022	24.000	24.000	23.280	14.350	14.350	2.500
26	Xây dựng đường liên xã Đinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3371/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.000	15.000	14.550	8.000	8.000	2.000
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đông Lê, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3848/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.880	7.880	4.000
28	Cầu vượt từ Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND số ngày 10/12/2022; 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	28.400	13.600	13.600	6.000
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3710/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	8.700	8.700	2.500
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3650/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	25.000	15.000	14.550	9.030	9.030	2.200
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cảng Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	35.890	34.100	34.100	1.000
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hói Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	10.590	10.590	2.500

TT	Đanh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QB chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
33	Tuyến đường giao thông đường Vơ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	12.900	12.900	1.000
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	13.155	13.155	3.000
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3402/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.920	12.920	1.000
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Mình Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	10.000	10.000	3.000
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	27.160	10.450	10.450	6.500
38	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3449/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.450	6.450	2.800
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	22.310	21.500	21.500	810
40	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.500	5.500	3.500
41	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	5.780	5.780	3.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
42	Tuyến đường từ cầu Ngắm Rình - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	5.900	5.900	3.000
43	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	10.200	10.200	9.100
III	HÀ TÀNG KỸ THUẬT					188.575	188.575	182.920	103.429	103.429	32.050
1	Hệ thống ha tầng kỹ thuật từ thị trấn Đông Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	24.250	21.100	21.100	800
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3636/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	28.000	28.000	27.160	24.679	24.679	1.000
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3280/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	10.000	10.000	9.700	9.250	9.250	450
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đông Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.400	11.400	1.000
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3353/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	9.000	9.000	8.730	6.600	6.600	1.300
6	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đông Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3895/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	36.575	36.575	35.480	12.500	12.500	9.000
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	17.900	17.900	18.500
V	DU LỊCH					79.500	59.500	57.720	22.600	22.600	12.500

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIỆP

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QĐ chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMBĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	12.500	12.500	12.130	4.800	4.800	2.500
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	45.000	25.000	24.250	9.000	9.000	6.000
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3660/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	8.800	8.800	4.000
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					751.600	601.600	583.560	213.000	213.000	120.546
I	Y TẾ					508.600	358.600	347.850	155.900	155.900	59.346
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	37.000	37.000	22.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2885/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	220.000	70.000	67.900	55.000	55.000	5.146
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hóa Tiên, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 208/QĐ-UBND ngày 07/02/2023	6.000	6.000	5.820	2.300	2.300	1.200
4	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	50.000	50.000	48.500	16.500	16.500	12.500
5	Đầu tư Xây dựng Khordon viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lương, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1726/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	6.000	6.000	5.820	2.000	2.000	1.500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QP chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên hòa	Tuyên Hòa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2371/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	22.000	22.000	21.340	7.560	7.560	5.000
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	21.340	15.660	15.660	1.000
8	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3737/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.500	15.500	15.040	10.330	10.330	1.000
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.100	15.100	14.650	7.650	7.650	2.000
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	31.040	1.900	1.900	8.000
II											
VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ						243.000	243.000	235.710	57.100	57.100	61.200
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích Khảo cổ Bàu Tró	Đông Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	2.000	2.000	10.000
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 1426/QĐ-UBND ngày 05/06/2023	75.000	75.000	72.750	9.100	9.100	25.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2644/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	75.000	75.000	72.750	25.500	25.500	18.900
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	25.000	25.000	24.250	12.400	12.400	4.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TT-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	QB chủ trương đầu tư	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
						TMĐT			Tổng số	Trong đó: NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.000	8.000	7.760	4.400	4.400	800
6	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1109/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	10.000	10.000	9.700	3.700	3.700	2.500
C	LĨNH VỰC KHÁC					150.500	150.500	145.985	71.060	71.060	30.260
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 851/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	25.000	25.000	24.250	7.000	7.000	7.500
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2613/QĐ-UBND ngày 18/02/2023	22.000	22.000	21.340	6.600	6.600	6.200
3	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	25.000	25.000	24.250	8.600	8.600	6.500
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	19.400	15.900	15.900	1.000
5	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3393/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	7.000	7.000	6.790	6.350	6.350	440

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QB chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số		Trong đó: vốn NS tỉnh
6	Câu kiểm soát Cửa Sông Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	14.550	10.600	10.600	1.000
7	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3619/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	9.000	9.000	8.730	8.610	8.610	120
8	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3796/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	12.500	12.500	12.125	4.800	4.800	3.000
9	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lê Thủy	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	2.600	2.600	4.500

PHỤ LỤC 08: NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XÂY MỚI; CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ VĂN HÓA-KHU THỂ THAO THÔN, BẢN, TỔ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2024

(Kèm theo Tờ trình số 2401/TTr-UBND ngày 20/11/2023 của UBND tỉnh Quảng Bình)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Mình Hóa	16.010	8.005	8.005	
2	Tuyên Hóa	4.685	2.343	2.343	Giao HĐND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi tiết
3	Quảng Trạch	5.705	2.853	2.853	
4	Ba Đồn	5.255	2.628	2.627	
5	Bố Trạch	27.175	13.588	13.587	
6	Đồng Hới	5.730	2.865	2.865	
7	Quảng Ninh	5.400	2.700	2.700	
8	Lệ Thủy	10.040	5.020	5.020	
	Tổng cộng:	80.000	40.000	40.000	

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024
					QB chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		
	TỔNG CỘNG					241.500	201.500	146.400	31.500
1	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Minh Hóa	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000	24.500	5.500
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Đông Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	41.500	41.500	34.000	7.000
3	Doanh trại Huấn luyện tập trung lực lượng dân quân biên và hệ thống kê chống sạt lở Doanh trại Đảo Hòn La	Quảng Trạch	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	25.000	25.000	20.500	5.000
4	Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xạ trị, Bệnh viện Hưu nghị Việt Nam-CuBa Đông Hới	Đông Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	60.000	60.000	48.000	9.500
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2023	85.000	45.000	19.400	4.500

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH

Số: /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Quảng Bình, ngày ... tháng 12 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

Về Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và
phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình
(Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý)

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 12

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019; Nghị định số 40/2020/NĐ-
CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu
tư công;

Căn cứ Quyết định số/QĐ-TTg ngày /12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về
việc giao kế hoạch vốn ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 71/2020/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh của
HĐND tỉnh về ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư
công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 44/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn ngân sách tỉnh
quản lý (lần 1) và Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-202 (lần 1)
và thông qua kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 (lần 2) nguồn ngân
sách tỉnh quản lý; Nghị quyết số 138/NQ-HĐND ngày 02/10/2023 của Hội đồng
nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2021-2025
(nguồn ngân sách tỉnh quản lý);

Căn cứ Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân
tỉnh về Dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày .../...../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh
về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết về Điều chỉnh Kế
hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 và phân bổ Kế hoạch đầu tư công năm 2024
tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý); sau khi nghe Báo cáo thẩm tra
của Ban Kinh tế ngân sách; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh
tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025 (Nguồn vốn
ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

- Bổ sung 4 danh mục dự án vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn.
- Tổng số vốn bổ sung vào Kế hoạch đầu tư công trung hạn: 148.000 triệu đồng.

(Chi tiết có Phụ lục 1 kèm theo)

Điều 2. Thông qua Kế hoạch đầu tư công năm 2024 tỉnh Quảng Bình (Nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) như sau:

Tổng nguồn vốn đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách tỉnh quản lý là: **2.648.443 triệu đồng**. Trong đó:

1. Nguồn vốn đầu tư công năm 2024 do tỉnh quản lý, phân bổ là: **1.137.943 triệu đồng** (*Bằng chữ: Một ngàn một trăm ba mươi bảy tỷ chín trăm bốn mươi ba triệu đồng chẵn*). Trong đó:

- Vốn tập trung trong nước: 265.935 triệu đồng
- Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: 775.000 triệu đồng
- Vốn xổ số kiến thiết: 75.000 triệu đồng
- Nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu: 22.008 triệu đồng

2. Nguồn vốn đầu tư công năm 2024 do các huyện, thị xã, thành phố phân bổ là: **1.510.500 triệu đồng** (*Bằng chữ: Một ngàn năm trăm mười tỷ năm trăm triệu đồng chẵn*). Trong đó:

- Vốn tập trung trong nước: 177.290 triệu đồng
- Vốn thu cấp quyền sử dụng đất: 1.333.210 triệu đồng

3. Cơ cấu nguồn vốn, phương án phân bổ và danh mục các dự án thuộc Kế hoạch đầu tư công năm 2023 tỉnh Quảng Bình (nguồn vốn ngân sách tỉnh quản lý) tại các Phụ lục 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 kèm theo.

Điều 3. Hội đồng nhân dân giao:

- UBND tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các nguồn vốn chưa phân bổ chi tiết, lập phương án phân bổ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Căn cứ tình hình thực tế thu tiền sử dụng đất, nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu, các nguồn thu khác (vượt thu 2022...), giao UBND tỉnh cân đối, trình HĐND tỉnh xem xét, điều chỉnh Kế hoạch đầu tư công năm 2024 đảm bảo đủ nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch Đầu tư công trung hạn 2021-2025 đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt.

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; các đại biểu HĐND tỉnh trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, kỳ họp thứ 12 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Kế hoạch và đầu tư; Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban và các đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Báo Quảng Bình; Đài PT-TH QB;
- Trung tâm Tin học – Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CT HĐND tỉnh.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC 1
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Nội dung/danh mục	Địa điểm đầu tư	Thời gian thực hiện	Quyết định chủ trương đầu tư/dự án đầu tư	Tổng mức đầu tư	Kế hoạch trung hạn 2021 - 2025	Kế hoạch năm 2022	Kế hoạch năm 2023	Ghi chú
	BỔ SUNG DANH MỤC VÀ NGUỒN VỐN VÀO KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025				148.000	148.000	65.000	83.000	
1	Trưởng THCS Thống nhất của Hội người Việt Nam tại tỉnh Khâm Muộn	Huyện Thả Khech, tỉnh Khâm Muộn	2022-2024	91/NQ-HĐND ngày 10/12/2022 535/QĐ-UBND ngày 15/3/2023	25.000	25.000		25.000	Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TTHĐND và 149/TTHĐND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HĐND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 04/05/2023 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
2	Hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư công trình Cầu Nhật Lệ 3 và đường 2 đầu cầu xã Bảo Ninh	Đồng Hới	2022-2025	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 1410/QĐ-UBND ngày 02/06/2023	38.000	38.000		38.000	Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TTHĐND và 149/TTHĐND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HĐND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 1713/QĐ-UBND ngày 23/06/2023 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
3	Đầu tư hoàn thiện hệ thống hạ tầng Khu công nghiệp Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022-2023	72/NQ-HĐND ngày 26/7/2022; 2789/QĐ-UBND ngày 14/10/2022	65.000	65.000	65.000		Thông báo số 584-TB/TU ngày 19/7/2022 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 98/TTHĐND và 149/TTHĐND-VP ngày 21/7/2022 của Thường trực HĐND; 2807/QĐ-UBND ngày 17/10/2022 của UBND tỉnh và Quyết định số 3412/QĐ-UBND ngày 30/11/2022 của UBND tỉnh về giao vốn cho dự án
4	Dự án đầu tư hoàn thiện hệ thống thu gom nước thải tại KCN Tây Bắc Đồng Hới và KCN Bắc Đồng Hới	Đồng Hới	2023-2024	123/NQ-HĐND ngày 13/7/2023; 2997/QĐ-UBND ngày 23/10/2023	20.000	20.000		20.000	Thông báo số 877-TB/TU ngày 06/06/2023 và 633-TB/TU ngày 30/8/2022 của Ban Thường vụ tỉnh ủy; VB số 90/TTHĐND-VP ngày 20/06/2023 của Thường trực HĐND; 1770/QĐ-UBND ngày 29/06/2023 của UBND tỉnh và Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 16/11/2023 về giao vốn cho dự án

PHỤ LỤC 02: CƠ CẤU NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
	Tổng nguồn	2.648.443	
I	Vốn do tỉnh phân bổ	1.137.943	
1	Vốn tập trung trong nước	265.935	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	775.000	
3	Nguồn Xổ số kiến thiết	75.000	
4	Chi từ nguồn thu phí sử dụng kết cấu hạ tầng khu vực cửa khẩu	22.008	
II	Vốn do huyện, thị xã, thành phố phân bổ	1.510.500	
1	Vốn tập trung trong nước	177.290	
-	Thành phố Đồng Hới	20.464	
-	Huyện Minh Hóa	21.960	
-	Huyện Tuyên Hóa	20.073	
-	Huyện Quảng Trạch	19.723	
-	Thị xã Ba Đồn	19.759	
-	Huyện Bố Trạch	28.909	
-	Huyện Quảng Ninh	19.151	
-	Huyện Lệ Thủy	27.251	
2	Nguồn thu cấp quyền sử dụng đất	1.333.210	

-	<i>Thành phố Đồng Hới</i>	499.440	
-	<i>Huyện Minh Hóa</i>	3.220	
-	<i>Huyện Tuyên Hóa</i>	27.860	
-	<i>Huyện Quảng Trạch</i>	150.500	
-	<i>Thị xã Ba Đồn</i>	156.000	
-	<i>Huyện Bố Trạch</i>	173.700	
-	<i>Huyện Quảng Ninh</i>	223.750	
-	<i>Huyện Lệ Thủy</i>	98.740	

PHỤ LỤC 03: PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024
NGUỒN NGÂN SÁCH TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Phương án phân bổ	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
A	TỔNG VỐN DO TỈNH PHÂN BỐ	1.137.943	
1	Bố trí các công trình hoàn thành quyết toán và trả nợ XDCB	25.000	Phân bổ chi tiết sau
2	Vốn đối ứng các dự án ODA	142.500	Phụ lục 04
3	Bố trí các dự án hoàn thành năm 2024	110.922	Phụ lục 05
4	Bố trí các công trình trọng điểm, có tính liên kết vùng	235.750	Phụ lục 06
5	Đối ứng 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 và nguồn vốn thực hiện các Nghị quyết của HĐND tỉnh	47.500	
5.1	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Quảng Bình	25.000	Phân bổ cùng với nguồn vốn ngân sách TW
5.2	Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Bình	12.500	
5.3	Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững	5.000	
5.4	Hỗ trợ đầu tư PCCC theo Nghị quyết số 16/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 quy định việc xử lý các cơ sở không bảo đảm yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh Quảng Bình được đưa vào sử dụng trước ngày Luật Phòng cháy và chữa cháy số 27/2001/QH10 có hiệu lực thi hành	5.000	Giao UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư và phân bổ chi tiết cho các đơn vị
6	Bố trí các dự án chuyên tiếp	399.771	Phụ lục 7
7	Chuẩn bị đầu tư và Quy hoạch	35.000	Phân bổ chi tiết sau
8	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích (bao gồm bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Bình)	40.000	Phân bổ chi tiết sau
8.1	Hỗ trợ DN theo các chính sách ưu đãi của tỉnh và hỗ trợ các dự án PPP; bổ sung vốn điều lệ cho Công ty TNHH MTV Xô số kiến thiết Quảng Bình)	39.000	
8.2	Hỗ trợ cho các DN cung cấp hàng hóa, dịch vụ công ích	1.000	
9	Hỗ trợ xây dựng hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở	40.000	Phụ lục 8
10	Đầu tư khắc phục, thích ứng các vùng ngập lụt	30.000	Phân bổ chi tiết sau
11	Bố trí các dự án khởi công mới năm 2024	31.500	Phụ lục 9
B	TỔNG VỐN DO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ PHÂN BỐ	1.510.500	

PHỤ LỤC 04: ĐỐI ƯNG CÁC DỰ ÁN ODA

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	K khởi công	Hoàn thành	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch năm 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		Kế hoạch năm 2024
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	TỔNG SỐ					700.226	477.250	406.574	342.294	342.294	142.500
I	Đối ứng các dự án ODA					700.226	477.250	276.574	342.294	342.294	72.500
1	Dự án Phát triển môi trường, hạ tầng đô thị để ứng phó với biến đổi khí hậu thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2017	2024	221/QĐ-UBND ngày 28/1/2015; 2681/QĐ-UBND ngày 29/9/2015; 3473/QĐ-UBND ngày 02/10/2017	176.748	176.748	93.748	135.856	135.856	40.000
2	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án thành phố Đồng Hới (WB)	Đồng Hới	2017	2024	3520/QĐ-UBND ngày 31/10/2016	177.769	96.413	48.413	61.414	61.414	3.000
3	Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Bình và Quảng Trị - Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình (ADB)	Quảng Bình	2018	2025	1769/QĐ-UBND ngày 30/5/2018	259.650	118.030	57.030	102.111	102.111	12.000
4	Dự án hiện đại hóa ngành lâm nghiệp và tăng cường tính chống chịu vùng ven biển tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2023	548/QĐ-TTg ngày 21/4/2017 1757/QĐ-UBND ngày 19/5/2017 3479/QĐ-UBND ngày 13/9/2019	31.330	31.330	28.530	22.439	22.439	1.400
5	Dự án Phát triển cơ sở hạ tầng du lịch hỗ trợ cho tăng trưởng toàn diện khu vực tiểu vùng Mê Công mở rộng - giai đoạn 2, Tiểu dự án tỉnh Quảng Bình	Quảng Bình	2018	2024	3590/QĐ-UBND ngày 25/10/2018; 1142/QĐ-UBND ngày 14/4/2020	40.699	40.699	34.823	13.764	13.764	13.000
6	Dự án cải thiện thu nhập bền vững và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực vì cộng đồng nông thôn hòa bình tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2025	617/TTg-QHQT ngày 12/5/2021	14.030	14.030	14.030	6.710	6.710	3.100
II	Dự phòng vốn đối ứng ODA							130.000			70.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	TỔNG CỘNG						906.957	890.957	735.308	735.308	110.922
A	LĨNH VỰC KINH TẾ						427.000	411.000	333.493	333.493	46.237
I	NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN						92.000	92.000	75.500	75.500	13.740
1	Đường tuần tra bảo vệ rừng kết hợp du lịch sinh thái Khe nước Trong thuộc khu DTNN Động Châu-Khe nước Trong	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1528/QĐ-UBND ngày 8/6/2022		12.000	12.000	11.000	11.000	640
2	Xây dựng bán đồ ngập lụt và phần mềm cảnh báo lũ phục vụ công tác Phòng chống thiên tai cho 03 lưu vực sông lớn trên địa bàn tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2459/QĐ-UBND ngày 13/09/2022		10.000	10.000	7.000	7.000	2.700
3	Cấp nước sinh hoạt cụm xã phía Tây huyện Lệ Thủy (giai đoạn 1)	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2246/QĐ-UBND ngày 18/08/2022		37.000	37.000	32.100	32.100	3.790
4	Sửa chữa, nâng cấp hệ thống các tuyến kênh chính thuộc Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Quảng Bình quản lý	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1942/QĐ-UBND ngày 14/7/2022		20.000	20.000	14.500	14.500	4.900
5	Sửa chữa, nâng cấp đường cứu hộ, cứu nạn hồ chứa nước Rào Đá, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1568/QĐ-UBND ngày 10/6/2022		5.000	5.000	4.500	4.500	350
6	Sửa chữa nâng cấp đập A và đập B công trình Rào Sen, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2513/QĐ-UBND ngày 19/09/2022		8.000	8.000	6.400	6.400	1.360
II	GIAO THÔNG						52.000	52.000	42.600	42.600	7.840
1	Xây dựng cầu Đúc Nghĩa (Km3+430/ĐT.570B), thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 787/QĐ-UBND ngày 28/3/2022		52.000	52.000	42.600	42.600	7.840
III	KHU KINH TẾ, KHU CÔNG NGHIỆP						117.000	117.000	89.050	89.050	9.750

PHỤ LỤC 05: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBĐT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
1	Hạ tầng KCN Bắc Đồng Hới (mở rộng)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/5/2022 1170/QĐ-UBND ngày 09/05/2022	60.000	60.000	60.000	51.500	51.500	8.500
2	Dự án Đầu tư xây dựng các trục đường giao thông KCN Tây Bắc Quán Hâu	Quảng Ninh	2017	2024	3207/QĐ-UBND ngày 14/10/2016; 861/QĐ-UBND ngày 23/03/2021 ; 1171/QĐ-UBND ngày 9/5/2022	57.000	57.000	38800	37.550	37.550	1.250
IV	CÔNG NGHIỆP					25.000	25.000	24.250	16.500	16.500	7.750
1	Hoàn thiện hạ tầng Cụm công nghiệp Thuận Đức, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2551/QĐ-UBND ngày 21/09/2022	25.000	25.000	24.250	16.500	16.500	7.750
V	DU LỊCH					45.000	43.650	40.000	40.000	40.000	3.650
1	Đường từ nhánh Đường Hồ Chí Minh vào Khu du lịch sinh thái Trầm Mế (gd2)	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 56/QĐ-UBND ngày 11/01/2022	20.000	20.000	19.400	19.000	19.000	400
2	Xây dựng mới các Trạm và Chốt Kiểm lâm (Trạm Kiểm lâm Thương Hóa, Trạm Kiểm lâm Khe Gát, Chốt Kiểm lâm Cây Ngà, Chốt Kiểm lâm 39, Chốt Kiểm lâm và Điểm dừng chân Trạ Ang)	Bố Trạch, Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 998/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	25.000	25.000	24.250	21.000	21.000	3.250
VI	CÔNG TRÌNH CÔNG CỘNG TẠI ĐÔ THỊ					71.000	53.350	52.543	52.543	52.543	807
1	Nâng cấp, cải tạo hệ thống công viên, cây xanh trên địa bàn thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1257/QĐ-UBND 19/5/2022	35.000	35.000	33.950	33.500	33.500	450

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
2	Chỉnh trang đô thị đoạn tuyến Quốc lộ 1 thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1972/QĐ-UBND ngày 19/07/2022	36.000	20.000	19.400	19.043	19.043	357
VII	TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG					25.000	25.000	22.550	17.300	17.300	2.700
1	Xử lý ô nhiễm môi trường các điểm tồn lưu hóa chất bảo vệ thực vật tại một số xã trên địa bàn huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 3132/QĐ-UBND ngày 15/11/2022	25.000	25.000	22.550	17.300	17.300	2.700
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					238.957	238.957	231.830	201.085	201.085	30.745
I	KHOA HỌC CÔNG NGHỆ, PHÁT THANH TRUYỀN HÌNH					43.000	43.000	41.710	31.800	31.800	9.910
1	Đầu tư xây dựng khu thực nghiệm nông nghiệp thông minh - Nông nghiệp 4.0 tại Trung tâm Ứng dụng và Thông kê Khoa học và Công nghệ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1811/QĐ-UBND ngày 01/07/2022	10.000	10.000	9.700	8.000	8.000	1.700
2	Đầu tư bổ sung thiết bị kiểm tra, kiểm định, hiệu chuẩn đo lường	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 991/QĐ-UBND ngày 18/4/2022	8.000	8.000	7.760	6.400	6.400	1.360
3	Đầu tư mua sắm thiết bị kỹ thuật chuẩn HD cho hệ thống mạng sản xuất chương trình và nâng cao năng lực quản lý của Đài PT&TH Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2241/QĐ-UBND ngày 18/08/2022	25.000	25.000	24.250	17.400	17.400	6.850
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, XÃ HỘI					73.000	73.000	70.810	52.735	52.735	18.075
1	Tuyến đường dạo, cây xanh, điện chiếu sáng, hệ thống nước thải vòng ngoài Hồ Thành Đồng Hới	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2159/QĐ-UBND ngày 10/8/2022	20.000	20.000	19.400	7.235	7.235	12.165

PHỤ LỤC 05: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMBĐT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
2	Cải tạo nâng cấp các hạng mục trong khuôn viên Khu lăng mộ Lê Thành Hầu Thượng Đảng Trần Nguyễn Hữu Cảnh	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3167/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	15.000	15.000	14.550	13.500	13.500	1.050
3	Trung tâm chăm sóc và phục hồi chức năng cho người tâm thần tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 3)	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 550/QĐ-UBND ngày 01/03/2022	23.000	23.000	22.310	21.900	21.900	410
4	Tôn tạo, nâng cấp khu di tích lịch sử thanh niên xung phong Xuân Sơn	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2134/QĐ-UBND ngày 9/8/2022	15.000	15.000	14.550	10.100	10.100	4.450
III	CÔNG NGHỆ THÔNG TIN					16.000	16.000	15.520	15.050	15.050	470
1	Nâng cấp, phát triển mạng diện rộng của tỉnh; xây dựng hệ thống giám sát an toàn thông tin mạng và phòng chống mã độc tập trung	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2558/QĐ-UBND ngày 22/9/2022	7.000	7.000	6.790	6.600	6.600	190
2	Xây dựng hệ thống hạ tầng cơ sở dữ liệu quản lý không gian (SDI) quản lý quy hoạch xây dựng	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2627/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	4.500	4.500	4.365	4.150	4.150	215
3	Nâng cấp, triển khai, nhân rộng phần mềm quản lý hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2133/QĐ-UBND ngày 09/08/2022	4.500	4.500	4.365	4.300	4.300	65
IV	GIÁO DỤC ĐÀO TẠO (Thuộc nhiệm chi vụ cấp tỉnh)					106.957	103.790	101.500	101.500	101.500	2.290
1	Nhà nội trú giáo viên 2 tầng 20 phòng và hạ tầng kỹ thuật Trường THCS&THPT Bắc Sơn	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1369/QĐ-UBND ngày 27/05/2022	9.000	9.000	8.730	8.500	8.500	230

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					TMĐT		Trong đó: NS tỉnh	Tổng số		Trong đó: vốn NS tỉnh		
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	QĐ chủ trương đầu tư						
2	Nhà lớp học, nhà hiệu bộ và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Trần Hưng Đạo	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1960/QĐ-UBND ngày 18/07/2022	7.477	7.477	7.477	7.275	6.750	6.750	525
3	Nhà Lớp học bộ môn 3 tầng 9 phòng Trường THPT Lương Thế Vinh	Ba Đồn	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4291/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	8.500	8.500	8.500	8.245	8.150	8.150	95
4	Đầy nhà 3 tầng 18 phòng học Trường THPT Quang Trung	Quảng Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4290/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	12.000	12.000	12.000	11.640	11.100	11.100	540
5	Nhà đa năng và hạ tầng kỹ thuật Trường THPT Nguyễn Hữu Cảnh	Quảng Ninh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1757/QĐ-UBND ngày 28/06/2022	8.000	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
6	Nhà lớp học 2 tầng 8 phòng học Trường THPT Lê Trực	Tuyên Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4289/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.000	7.000	7.000	6.790	6.700	6.700	90
7	Nhà lớp học bộ môn 8 phòng Trường THCS&THPT Trung Hóa	Minh Hóa	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 4302/QĐ-UBND ngày 24/12/2021	7.500	7.500	7.500	7.275	6.950	6.950	325
3	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng trường THPT Nguyễn Trãi	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2315/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
	Kỹ túc xá học sinh Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Đông Hải	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1651/QĐ-UBND ngày 20/06/2022	14.980	14.980	14.980	14.550	14.500	14.500	50
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng và công trình phụ trợ Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	Lê Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1522/QĐ-UBND ngày 08/06/2022	8.500	8.500	8.500	8.245	8.150	8.150	95
	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Hùng Vương	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2316/QĐ-UBND ngày 25/08/2022	8.000	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60

PHỤ LỤC 05: CÁC DỰ ÁN HOÀN THÀNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QB chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
12	Nhà lớp học 2 tầng 10 phòng Trường THPT Ngô Quyền	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1707/QĐ-UBND ngày 22/06/2022	8.000	8.000	7.760	7.600	7.600	160
C	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					88.000	88.000	86.260	72.480	72.480	13.780
1	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động các cơ quan Đảng tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2598/QĐ-UBND ngày 27/9/2022	20.000	20.000	19.400	14.880	14.880	4.520
2	Cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc UBND tỉnh	Đồng Hới	2023	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3362/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	30.000	30.000	30.000	21.500	21.500	8.500
4	Cải tạo trụ sở làm việc và khuôn viên Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2201/QĐ-UBND ngày 12/08/2022	12.000	12.000	11.640	11.600	11.600	40
5	Nâng cấp, sửa chữa một số hạng mục Trung tâm giáo dục dạy nghề và hỗ trợ Nông dân -Phụ nữ Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1746/QĐ-UBND ngày 27/06/2022	7.000	7.000	6.790	6.700	6.700	90
6	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc Ban Dân tộc và nâng cấp hệ thống dữ liệu công tác dân tộc	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2112/QĐ-UBND ngày 03/08/2022	8.000	8.000	7.760	7.700	7.700	60
7	Điểm trung bày, giới thiệu sản phẩm và kết nối, hỗ trợ phụ nữ sáng tạo khởi nghiệp	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2320/QĐ-UBND ngày 26/08/2022	6.000	6.000	5.820	5.300	5.300	520
8	Cải tạo trụ sở làm việc Liên đoàn Lao động tỉnh Quảng Bình và các đơn vị trực thuộc	TP Đồng Hới và các huyện	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 2172/QĐ-UBND ngày 11/08/2022	5.000	5.000	4.850	4.800	4.800	50

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư				Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	TMDT		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
D	LĨNH VỰC QUỐC PHÒNG-AN NINH											
1	Đầu tư xây dựng Trung tâm một cửa liên thông Công an tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1283/QĐ-UBND ngày 23/05/2022	129.000	129.000	129.000	125.130	108.900	108.900	16.230
2	Đường từ Km56, đường tỉnh 562 vào đến bản Nông cũ và bản Nông mới xã Thượng Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 1449/QĐ-UBND ngày 03/06/2022	28.000	28.000	28.000	27.160	23.400	23.400	3.760
3	Nâng cấp tuyến đường từ đường tránh Quốc lộ 1A đến Đồn Biên phòng Ngự Thủy và đến xã Ngự Thủy, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1798/QĐ-UBND ngày 30/06/2022	25.000	25.000	25.000	24.250	22.500	22.500	1.750
4	Đường tuần tra và các hạng mục phụ trợ khu quân sự	Lệ Thủy	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1018/QĐ-UBND 5/5/2023	16.000	16.000	16.000	15.520	12.500	12.500	3.020
5	Doanh trại Trung đội công binh và đội 589/Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Quảng Bình	Đồng Hới	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3414/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	15.000	15.000	15.000	14.550	12.000	12.000	2.550
6	Đường giao liên trong khu căn cứ hậu phương tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3226/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	20.000	20.000	20.000	19.400	16.000	16.000	3.400
E	Lĩnh vực y tế					24.000	24.000	24.000	23.280	19.350	19.350	3.930
1	Cải tạo nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3849/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	7.000	7.000	7.000	6.790	5.930	5.930	860

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
2	Cải tạo, nâng cấp các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3786/QĐ UBND ngày 29/12/202	11.000	11.000	10.670	9.580	9.580	1.090
3	Cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các Trạm Y tế thuộc Trung tâm Y tế huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2024	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3855/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	6.000	6.000	5.820	3.840	3.840	1.980

PHỤ LỤC 6: CÁC CÔNG TRÌNH TRỌNG ĐIỂM, CÓ TÍNH LIÊN KẾT VÙNG

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

TT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH 2024	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	TMDT	Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
	TỔNG SỐ					3.907.000	1.210.000	1.197.700	1.678.290	754.903	235.750
1	Bệnh viện đa khoa khu vực Bắc Quảng Bình (cơ số 2)	Ba Đồn	2022	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 3777/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	300.000	300.000	291.000	90.000	90.000	85.000
2	Đầu tư xây dựng công trình cấp điện lưới cho các xã Tân Trạch, Thượng Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình	Bố Trạch	2022	2024	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 1872/QĐ-UBND ngày 7/7/2022	110.000	110.000	106.700	100.950	100.950	5.750
3	Đường ven biển và cầu Nhật Lệ 3 tỉnh Quảng Bình	Toàn tỉnh	2021	2026	160/NQ-HĐND ngày 09/12/2020; 27/NQ-HĐND ngày 29/10/2021;	3.497.000	800.000	800.000	1.487.340	563.953	145.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
	TỔNG CỘNG					2.438.175	2.258.175	2.190.725	1.075.659	1.075.659	399.771
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					1.536.075	1.506.075	1.461.180	791.599	791.599	248.965
I	THỦY LỢI, NƯỚC SẠCH					194.000	194.000	188.190	74.850	74.850	40.500
1	Xây dựng hệ thống kênh mương và hệ thống đập tràn hồ chứa nước Tróc Trầu (Giai đoạn 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3930/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	28.000	28.000	27.160	13.000	13.000	4.500
2	Kè chống sạt lở đồi núi Thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa (giai đoạn 1)	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	17.500	17.500	16.980	-	-	3.500
3	Xây dựng Kè biển Hải Trạch, xã Hải Phú	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3331/QĐ-UBND ngày 30/11/2022	20.000	20.000	19.400	15.300	15.300	2.500
4	Xây dựng kè chống sạt lở các xã Hiền Ninh, Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3893/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	18.000	18.000	17.460	7.400	7.400	3.200
5	Xây dựng Hồ Khe Luốc và Kè Tam Hương, huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3439/QĐ-UBND ngày 8/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.050	6.050	3.000
6	Xây dựng, nạo vét và gia cố kênh thoát lũ từ cầu Mệ Sỏi đến thôn Rầy Cau (Đoạn từ Cầu Rầy Cau đến đường Nguyễn Đóa)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 1820/QĐ-UBND ngày 04/07/2023	15.000	15.000	14.550	4.400	4.400	4.300
7	Tuyến mương thoát lũ, đường và kè khu vực Đồng Láng xã Hải Phú, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3651/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.500	5.500	3.800
8	Nâng cấp, mở rộng công trình nước sạch nông thôn	các huyện	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	23.000	23.000	22.310	1.700	1.700	8.500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMBĐT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
9	Kè chống sạt lở bờ suối xã Hóa Sơn, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3556/QĐ-UBND ngày 15/12/2022	17.500	17.500	16.980	7.300	7.300	3.500
10	Xây dựng Kênh tưới Nguyễn Áng - Thế Lộc - Tân Thành, xã Tân Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 2988/QĐ-UBND ngày 01/11/2022	10.000	10.000	9.700	7.700	7.700	900
11	Kè chống sạt lở bờ suối tại thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3740/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.500	6.500	2.800
II	GIAO THÔNG					1.074.000	1.064.000	1.032.350	590.720	590.720	163.915
1	Nâng cấp tuyến Đường tỉnh 562	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022 92/NQ-HBND ngày 10/12/2022	120.000	120.000	116.400	70.800	70.800	13.000
2	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường hai đầu cầu Cồn Năm xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 191/QĐ-UBND ngày 03/2/2023	20.000	20.000	19.400	13.920	13.920	2.000
3	Đường giao thông từ thị trấn Đồng Lê đi xã Thuận Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3467/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	20.000	20.000	19.400	8.000	8.000	4.500
4	Đầu tư xây dựng đường nối từ trục N2 đi các xã phía Bắc và kết nối với trục B2 trước nhà máy may, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022 3408/QĐ-UBND ngày 07/12/2022	40.000	40.000	38.800	27.510	27.510	5.000
5	Tuyến đường từ ngã tư trung tâm thị trấn Quy Đạt đi tổ dân phố 2, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3739/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	22.000	22.000	21.340	8.400	8.400	5.400
6	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Hàm Ninh, Võ Ninh, Duy Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HBND ngày 27/05/2022; 3649/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	28.000	28.000	27.160	12.900	12.900	5.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					TMĐT		Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
7	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Sơn Thủy, Hoa Thủy, Thị trấn Nông trường Lệ Ninh	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3479/QĐ-UBND ngày 12/12/2022	34.000	34.000	32.980	13.800	13.800	7.000
8	Cầu thôn Ba Đa, xã Nghĩa Ninh, thành phố Đồng Hới	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2951/QĐ-UBND ngày 28/10/2022	28.000	28.000	27.160	10.500	10.500	6.500
9	Hoàn thiện các tuyến đường giao thông nội thị tại thị trấn Hoàn Lão, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3766/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	40.000	40.000	38.800	14.300	14.300	9.000
10	Đầu tư xây dựng đường Triệu Quang Phục, Phường Bắc Nghĩa.	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2363/QĐ-UBND ngày 31/8/2022	30.000	30.000	29.100	29.000	29.000	100
11	Đường Nguyễn Hữu Cảnh nối dài, đoạn từ ngã tư Võ Nguyên Giáp đi quốc lộ 1A, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3503/QĐ-UBND ngày 13/12/2022	27.000	27.000	26.190	9.970	9.970	6.500
12	Đầu tư xây dựng hạ tầng tuyến đường từ chợ Quảng Lưu đi Trung tâm xã Quảng Thạch kết nối tỉnh lộ 22	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3036/QĐ-UBND ngày 7/11/2022	28.000	28.000	27.160	21.040	21.040	2.100
13	Xây dựng các tuyến đường xã Mai Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2454/QĐ-UBND ngày 12/9/2022	15.000	15.000	14.550	14.145	14.145	405
14	Tuyến đường nối đường Hai Bà Trưng đến trường Mầm non số 1 thị trấn Quy Đạt, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3811/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.800	7.800	4.500
15	Tuyến đường liên xã Hải Phú đi Sơn Lộc (đoạn từ Sơn Lộc đi ngã ba Thọ Lộc)	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3416/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	19.000	19.000	18.430	7.000	7.000	4.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					TMDT		Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
16	Tuyến đường kết nối trung tâm Thị xã Ba Đồn đi trung tâm huyện Quảng Trạch	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2346/QĐ-UBND ngày 29/8/2022	27.000	27.000	26.190	24.450	24.450	1.000
17	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Châu, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3857/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	16.000	16.000	15.520	6.480	6.480	3.500
18	Xây dựng tuyến đường giao thông từ xã Phúc Trạch đi các xã Lâm Trạch và Liên Trạch, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3712/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.400	5.400	3.500
19	Đầu tư xây dựng đường giao thông liên xã Lê Hóa - Kim Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3380/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	30.000	30.000	29.100	11.200	11.200	7.200
20	Tuyến đường giao thông xã Hóa Thanh, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3733/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.700	5.700	3.700
21	Đường giao thông liên xã từ Hoan Lão đi Tây Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3763/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	20.000	20.000	19.400	10.400	10.400	3.000
22	Đường liên xã Quảng Tiên đi Quảng Trung, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3690/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	9.100	9.100	2.000
23	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Trường Thủy, Thái Thủy và Dương Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3403/QĐ-UBND ngày 7/12/2022	30.000	30.000	29.100	22.150	22.150	2.000
24	Đầu tư xây dựng các tuyến đường tại xã Quảng Lưu và xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3788/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.750	5.750	3.600

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QP chủ trương đầu tư	TMBT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
25	Đầu tư các tuyến đường trên địa bàn xã Phong Hóa và Hương Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3352/QĐ-UBND ngày 1/12/2022	24.000	24.000	23.280	14.350	14.350	2.500
26	Xây dựng đường liên xã Đinh Mười đi Tân Định	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3377/QĐ-UBND ngày 02/12/2022	15.000	15.000	14.550	8.000	8.000	2.000
27	Đường nối từ Trung tâm giáo dục dạy nghề đi thị trấn Đông Lễ, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3848/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	20.000	20.000	19.400	7.880	7.880	4.000
28	Cầu vượt lư Tân Lý, xã Minh Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND số ngày 10/12/2022; 3797/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	29.000	29.000	28.400	13.600	13.600	6.000
29	Tuyến đường từ Trung tâm xã Tây Trạch đi đường Hồ Chí Minh, huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3710/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	8.700	8.700	2.500
30	Đầu tư xây dựng tuyến đường từ trung tâm huyện đi các xã phía Đông Bắc huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3650/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	25.000	15.000	14.550	9.030	9.030	2.200
31	Đầu tư xây dựng đường từ phường Quảng Thọ đến Trạm biên phòng Cánh Gianh phường Quảng Phúc	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3318/QĐ-UBND ngày 29/11/2022	37.000	37.000	35.890	34.100	34.100	1.000
32	Xây dựng tuyến đường từ cầu Hối Cửa, xã An Thủy đi phía tây huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2591/QĐ-UBND ngày 26/9/2022	17.000	17.000	16.490	10.590	10.590	2.500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					TMDT		Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
					QĐ chủ trương đầu tư	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)					
33	Tuyến đường giao thông đường Võ Thị Sáu, Phường Quảng Thuận, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 2870/QĐ-UBND ngày 24/10/2022	15.000	15.000	14.550	12.900	12.900	1.000
34	Đầu tư xây dựng các tuyến đường xã Quảng Xuân, huyện Quảng Trạch	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3225/QĐ-UBND ngày 22/11/2022	22.000	22.000	21.340	13.155	13.155	3.000
35	Xây dựng các tuyến đường giao thông nông thôn trên địa bàn xã Cao Quảng, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3402/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	15.000	15.000	14.550	12.920	12.920	1.000
36	Đầu tư xây dựng tuyến đường xã Yên Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3644/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	10.000	10.000	3.000
37	Xây dựng tuyến đường 30 nối QL1A với đường về nhà lưu niệm Đại tướng Võ Nguyên Giáp	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2504/QĐ-UBND ngày 07/09/2023	28.000	28.000	27.160	10.450	10.450	6.500
38	Xây dựng tuyến đường cứu hộ, cứu nạn các xã phía nam huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3449/QĐ-UBND ngày 9/12/2022	15.000	15.000	14.550	6.450	6.450	2.800
39	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã An Ninh, Vạn Ninh, Tân Ninh, Xuân Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3268/QĐ-UBND ngày 24/11/2022	23.000	23.000	22.310	21.500	21.500	810
40	Xây dựng tuyến đường giao thông kết nối Đường Hồ Chí Minh vào trung tâm Thị trấn Nông Trường Việt Trung	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3702/QĐ-UBND ngày 26/12/2022	15.000	15.000	14.550	5.500	5.500	3.500
41	Đường nối từ Hà Nam vào Trung tâm xã Thạch Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3293/QĐ-UBND n ngày 28/11/2022	15.000	15.000	14.550	5.780	5.780	3.000

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
42	Tuyến đường từ cầu Ngâm Rinh - Thanh Liêm, xã Trung Hóa, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3286/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	15.000	15.000	14.550	5.900	5.900	3.000
43	Xây dựng Cầu và đường hai đầu cầu Trường Sơn thuộc tuyến đường Trường Xuân - Trường Sơn	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3189/QĐ-UBND ngày 18/11/2022	33.000	33.000	32.010	10.200	10.200	9.100
III	HẠ TẦNG KỸ THUẬT					188.575	188.575	182.920	103.429	103.429	32.050
1	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật từ thị trấn Đồng Lê đi xã Sơn Hóa, huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3019/QĐ-UBND ngày 3/11/2022	25.000	25.000	24.250	21.100	21.100	800
2	Hệ thống thoát nước mưa và hệ thống thoát nước thải tại trung tâm huyện lỵ mới huyện Quảng Trạch (giai đoạn 1)	Quảng Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3636/QĐ-UBND ngày 21/12/2022	28.000	28.000	27.160	24.679	24.679	1.000
3	Xây dựng hệ thống điện chiếu sáng trên địa bàn huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3280/QĐ-UBND ngày 25/11/2022	10.000	10.000	9.700	9.250	9.250	450
4	Hệ thống trang trí đèn LED dọc sông Nhật Lệ (Đoạn từ thôn Mỹ Cảnh đến thôn Hà Thôn, xã Bảo Ninh)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3931/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	14.550	11.400	11.400	1.000
5	Xây dựng khu tái định cư di dời các hộ dân bị ảnh hưởng bởi nhà máy xi măng Áng Sơn, xã Vạn Ninh, huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3353/QĐ-UBND ngày 01/12/2022	9.000	9.000	8.730	6.600	6.600	1.300
6	Chỉnh trang đô thị đường Trương Pháp	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3895/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	36.575	36.575	35.480	12.500	12.500	9.000
7	Xây dựng hạ tầng và đường giao thông kết nối Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	65.000	65.000	63.050	17.900	17.900	18.500
V	DU LỊCH					79.500	59.500	57.720	22.600	22.600	12.500

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
1	Xây dựng Trung tâm thông tin và hỗ trợ khách Du lịch tại Phong Nha Kẻ Bàng	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1566/QĐ-UBND ngày 10/06/2022	12.500	12.500	12.130	4.800	4.800	2.500
2	Xây dựng Quảng trường biển, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2806/QĐ-UBND ngày 05/10/2023	45.000	25.000	24.250	9.000	9.000	6.000
3	Xây dựng hệ thống đường giao thông các xã Lương Ninh, Vĩnh Ninh và Trường Xuân	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3660/QĐ-UBND ngày 22/12/2022	22.000	22.000	21.340	8.800	8.800	4.000
B	LĨNH VỰC VĂN HÓA XÃ HỘI					751.600	601.600	583.560	213.000	213.000	120.546
I	Y TẾ					508.600	358.600	347.850	155.900	155.900	59.346
1	Xây dựng Bệnh viện Đa khoa huyện Quảng Ninh (cơ sở 2)	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	120.000	120.000	116.400	37.000	37.000	22.000
2	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh (CDC)	Đồng Hới	2023	2025	57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 2855/QĐ-UBND ngày 20/10/2022	220.000	70.000	67.900	55.000	55.000	5.146
3	Xây dựng mới nhà cận lâm sàng phòng khám đa khoa Khu vực Hòa Tiến, huyện Minh Hóa	Minh Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 208/QĐ-UBND ngày 07/02/2023	6.000	6.000	5.820	2.300	2.300	1.200
4	Đầu tư xây dựng Khu kỹ thuật và điều trị liên chuyên khoa, bệnh viện đa khoa huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 3854/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	50.000	50.000	48.500	16.500	16.500	12.500
5	Đầu tư Xây dựng khuôn viên hạ tầng kỹ thuật, khu khám và điều trị phòng khám đa khoa khu vực Thanh Lạng, xã Thanh Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1726/QĐ-UBND ngày 27/6/2023	6.000	6.000	5.820	2.000	2.000	1.500

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
6	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Tuyên Hóa	Tuyên Hóa	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 2371/QĐ-UBND ngày 23/8/2023	22.000	22.000	21.340	7.560	7.560	5.000
7	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3894/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	22.000	22.000	21.340	15.660	15.660	1.000
8	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3737/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	15.500	15.500	15.040	10.330	10.330	1.000
9	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Quảng Ninh	Quảng Ninh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3853/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.100	15.100	14.650	7.650	7.650	2.000
10	Đầu tư xây dựng mới và cải tạo, nâng cấp Trung tâm và các trạm y tế thuộc trung tâm y tế huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 2982/QĐ-UBND ngày 20/10/2023	32.000	32.000	31.040	1.900	1.900	8.000
II	VĂN HÓA, THỂ DỤC THỂ THAO, KHOA HỌC CÔNG NGHỆ					243.000	243.000	235.710	57.100	57.100	61.200
1	Bảo tồn, tôn tạo, giữ gìn bảo vệ cảnh quan môi trường cho di tích khảo cổ Bàu Tró	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022	50.000	50.000	48.500	2.000	2.000	10.000
2	Xây dựng Trung tâm thể dục thể thao huyện Lệ Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 1426/QĐ-UBND ngày 05/06/2023	75.000	75.000	72.750	9.100	9.100	25.000
3	Nhà thi đấu đa năng và các công trình phụ trợ, thị xã Ba Đồn	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 2644/QĐ-UBND ngày 19/9/2023	75.000	75.000	72.750	25.500	25.500	18.900
4	Sân vận động trung tâm huyện Bố Trạch	Bố Trạch	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3839/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	25.000	25.000	24.250	12.400	12.400	4.000

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024	
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Tổng số		Trong đó: vốn NS tỉnh			
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh	Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh		
5	Cải tạo, sửa chữa nhà thiếu nhi Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 1712/QĐ-UBND ngày 23/06/2023	8.000	8.000	8.000	7.760	4.400	4.400	800
6	Đầu tư hệ thống Trung tâm chuẩn, thiết bị đo lường, thử nghiệm	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 1109/QĐ-UBND ngày 11/5/2023	10.000	10.000	10.000	9.700	3.700	3.700	2.500
C	LĨNH VỰC KHÁC					150.500	150.500	150.500	145.985	71.060	71.060	30.260
1	Nâng cấp cơ sở vật chất và đầu tư hệ thống công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của HĐND tỉnh	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 851/QĐ-UBND ngày 17/4/2023	25.000	25.000	25.000	24.250	7.000	7.000	7.500
2	Đầu tư xây dựng 22 trụ sở công an xã thuộc Công an tỉnh Quảng Bình (giai đoạn 1)	Đồng Hới	2023	2025	43/NQ-HĐND ngày 10/12/2021; 57/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 92/NQ-HĐND ngày 10/12/2022; 2613/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	22.000	22.000	22.000	21.340	6.600	6.600	6.200
3	Chương trình Phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025	Toàn tỉnh	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022; 133/QĐ-UBND ngày 18/01/2023	25.000	25.000	25.000	24.250	8.600	8.600	6.500
4	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cho BQL Khu DTTN Đông Châu-Khe Nước Trong	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3161/QĐ-UBND ngày 17/11/2022	20.000	20.000	20.000	19.400	15.900	15.900	1.000
5	Xây dựng khu tạm lánh, nhà ăn cho đối tượng người lang thang cơ nhỡ	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 3393/QĐ-UBND ngày 06/12/2022	7.000	7.000	7.000	6.790	6.350	6.350	440

PHỤ LỤC 07: CÁC DỰ ÁN CHUYÊN TIẾP

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	Số vốn đã giao đến hết năm 2023		KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMĐT			Tổng số	Trong đó: vốn NS tỉnh	
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NS tỉnh				
6	Cầu kiểm soát Cửa Sóng Gianh	Ba Đồn	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3282/QĐ-UBND ngày 23/11/2022	15.000	15.000	10.600	10.600	1.000	
7	Xây dựng phòng học bộ môn Trường THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp (Giai đoạn 2)	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3619/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	9.000	9.000	8.610	8.610	120	
8	Xây dựng Ký túc xá sinh viên Trường Cao đẳng Y tế Quảng Bình	Đồng Hới	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3796/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	12.500	12.500	4.800	4.800	3.000	
9	Xây dựng Trụ sở xã Ngư Thủy	Lệ Thủy	2023	2025	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022, 3852/QĐ-UBND ngày 30/12/2022	15.000	15.000	2.600	2.600	4.500	

PHỤ LỤC 08: NGUỒN VỐN HỖ TRỢ XÂY MỚI; CẢI TẠO, SỬA CHỮA NHÀ VĂN HÓA-KHU THỂ THAO THÔN, BẢN, TÒ DÂN PHỐ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG BÌNH NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Huyện, thị xã, thành phố	Tổng giai đoạn 2021-2025	Kế hoạch năm 2023	Kế hoạch năm 2024	Ghi chú
1	Minh Hóa	16.010	8.005	8.005	
2	Tuyên Hóa	4.685	2.343	2.343	Giao HĐND các huyện, thị xã, thành phố phân bổ chi tiết
3	Quảng Trạch	5.705	2.853	2.853	
4	Ba Đồn	5.255	2.628	2.627	
5	Bố Trạch	27.175	13.588	13.587	
6	Đồng Hới	5.730	2.865	2.865	
7	Quảng Ninh	5.400	2.700	2.700	
8	Lệ Thủy	10.040	5.020	5.020	
	Tổng cộng:	80.000	40.000	40.000	

PHỤ LỤC 09: CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI NĂM 2024

(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Địa điểm xây dựng	Khởi công	Hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch 2021-2025	KH năm 2024
					QĐ chủ trương đầu tư	TMDT	Trong đó: NS tỉnh		
	TỔNG CỘNG					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			
1	Xây dựng mới Trạm Biên phòng CKQT Cha Lo và nâng cấp, cải tạo, sửa chữa một số trạm, tổ công tác biên phòng.	Minh Hóa	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	30.000	30.000	24.500	5.500
2	Bệnh xá Công an tỉnh	Đồng Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	41.500	41.500	34.000	7.000
3	Doanh trại Huấn luyện tập trung lực lượng dân quân biển và hệ thống kê chống sạt lở Doanh trại Đảo Hòn La	Quảng Trạch	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	25.000	25.000	20.500	5.000
4	Đầu tư xây dựng khoa Ung bướu - Xạ trị, Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam-CuBa Đồng Hới	Đồng Hới	2024	2026	136/NQ-HĐND ngày 12/10/2023	60.000	60.000	48.000	9.500
5	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật cầu kết hợp đường 2 đầu cầu qua thôn Minh Tiến, xã Quảng Minh, thị xã Ba Đồn.	Ba Đồn	2024	2026	56/NQ-HĐND ngày 27/05/2022 .../NQ-HĐND ngày tháng 12/2023	85.000	45.000	19.400	4.500